

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thế Sự

Bà Nguyễn Thị Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 28-5-2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20-7-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05-8-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố Trung Ngh, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Uy, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố Tr, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20-5-2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Văn L trình bày:*

Anh xây dựng hạnh phúc với chị Trần Thị Uy trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-12-2015. Sau khi kết hôn, anh và chị Uy sống chung tại gia đình anh ở tổ dân phố Tr, phường H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống; anh cho rằng chị Uy có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn giữa anh và chị Uy ngày càng trầm trọng. Từ tháng 12-2018 đến nay, anh và chị Uy đã sống ly thân, không còn liên quan gì về tình cảm và kinh tế. Nay, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Uy.

Về con chung: Anh và chị Uy có 02 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 03-4-2016 và Trần Hà V, sinh ngày 16-3-2018. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu D và đồng ý để chị Uy nuôi cháu V; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Uy tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Trần Thị Uy trình bày:*

Chị thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như anh L đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Uy trình bày là do vợ chồng không hợp nhau, không có sự tôn trọng, tin tưởng và chia sẻ với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Anh chị càng chung sống thì sự bất đồng quan điểm ngày càng nhiều khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, ngột ngạt. Từ tháng 12-2018 đến nay, chị và anh L đã sống ly thân. Gia đình hai bên đã hòa giải để chị và anh L tiếp tục chung sống nhưng anh chị không thể quay về chung sống cùng nhau được. Nay, anh Long làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, chị cũng không có ý kiến gì vì tình cảm vợ chồng đã không còn.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 03-4-2016 và Trần Hà V, sinh ngày 16-3-2018. Chị nhận nuôi cháu V và đề nghị giao cháu D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu V đang ở cùng chị và cháu D đang ở cùng anh Long; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa anh L và chị U đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L được ly hôn chị Uy; về con chung, giao cháu Trần Văn D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hà V cho chị Uy trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn L nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Trần Thị Uy tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là chị Uy cư trú tại phường H, quận Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị Uy.

Về hôn nhân:

[3] Anh L và chị Uy kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-12-2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Anh L và chị Uy trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được đã làm rõ: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không tin tưởng và chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Hai bên gia đình đã khuyên giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh chị không thể quay về chung sống cùng nhau được. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân và không còn liên quan gì về tình cảm và kinh tế. Anh L và chị Uy đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

[5] Xét thấy, anh L và chị Uy đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình;

không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh L và chị Uy đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L.

[6] Về con chung: Anh L và chị Uy có 02 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 03-4-2016 và Trần Hà V, sinh ngày 16-3-2018. Anh chị thống nhất giao cháu D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho chị Uy trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau; để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, nguyện vọng của con cũng như thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn giữa anh chị nên cần áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh L và chị Uy không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh L và chị Uy có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn L được ly hôn chị Trần Thị Uy.
2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Trần Văn D, sinh ngày 03-4-2016 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hà V, sinh ngày 16-3-2018 cho chị Uy trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh L và chị Uy tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi anh L và chị Uy có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009648 ngày 27-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh L và chị Uy có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường H, quận Đ;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tùng**





